

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ XÂY DỰNG
HẢI PHÒNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo Kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải phòng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Công trình công cộng và xây dựng Hải Phòng theo Quyết định số 1008/QG-UBND ngày 29/06/2010 của ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên công trình công cộng và xây dựng Hải Phòng, ngày chuyển đổi: 10/08/2015. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200534915 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của công ty: Số 1235 Trần Nhân Tông, phường Văn Đào, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.000.000

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xây dựng công trình công ích

Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, đường, hè, biển báo giao thông, biển tên đường, phố, ngõ, vườn hoa, công viên, cây xanh ven đường, đài tưởng niệm liệt sĩ, nghĩa trang nhân dân, công trình công cộng.

- Xây dựng nhà các loại

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, khu đô thị, khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

- Phá dỡ

- Chuẩn bị mặt bằng

Chi tiết: San lấp mặt bằng.

- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí

- Hoàn thiện công trình xây dựng

Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất.

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

- Lắp đặt hệ thống điện

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 31 kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

Số 1235 Trần Nhân Tông, phường Văn Đài, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty trong năm tài chính vào ngày lập Báo cáo gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông: Phạm Văn Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông: Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên
Ông: Phạm Văn Trịnh	Thành viên
Ông: Vũ Đức Phúc	Thành viên
Ông: Vũ Văn Sáu	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm tài chính vào ngày lập Báo cáo gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông: Nguyễn Mạnh Hà	Tổng Giám đốc
Ông: Phạm Văn Trịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông: Vũ Đức Phúc	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và cam kết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong những năm tới.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng xác nhận tính đầy đủ và hiện hữu của các khoản mục tiền, hàng tồn kho, công nợ phải thu phải trả, tài sản cố định tại ngày 31/12/2020 trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VÀ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

Số 1235 Trần Nhân Tông, phường Văn Đâu, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Phạm Văn Hùng

Chủ tịch HĐQT

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2021



Số: 075.03 /2021/BCKIT/APEC

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
của Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn APEC, đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng được lập ngày 05 tháng 03 năm 2021 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm: đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN APEC

Thay mặt và đại diện



Lữ Thị Hoa

Phó giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1684-2018-095-1

Vũ Hoài Đức

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1037-2021-095-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.343.576.679	24.264.255.659
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		631.716.270	131.234.248
1. Tiền	111	V.01	631.716.270	131.234.248
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.646.966.865	23.704.222.350
1. Phải thu của khách hàng	131	V.02	22.452.017.100	22.249.222.350
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.000.000.000	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.194.949.765	1.455.000.000
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.893.544	428.799.061
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.08	7.395.174	428.799.061
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	57.498.370	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.409.155.216	7.569.207.740
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn khác	216			
II. Tài sản cố định	220		5.882.812.441	7.145.357.415
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	5.882.812.441	7.145.357.415
- Nguyên giá	222		20.388.742.909	20.388.742.909
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(14.505.930.468)	(13.243.385.494)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		526.342.775	423.850.325
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	526.342.775	423.850.325
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32.752.731.895	31.833.463.399

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.509.109.211	21.556.504.215
I. Nợ ngắn hạn	310		22.509.109.211	21.556.504.215
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	13.085.147.435	16.789.968.430
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	5.799.990	5.799.990
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.843.326.459	1.728.701.018
4. Phải trả công nhân viên	314			
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.282.307.504	1.674.322.535
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	4.600.000.000	50.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		692.527.823	1.307.712.242
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.243.622.684	10.276.959.184
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	10.065.830.184	10.065.830.184
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		65.830.184	65.830.184
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		177.792.500	211.129.600
1. Nguồn kinh phí	431		-	(2.222.000)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		177.792.500	213.351.000
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ				
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.752.731.895	31.833.463.399

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Giang

Kế toán trưởng



Trần Thị Oanh



Chủ tịch HĐQT

Phạm Văn Hùng

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	82.242.674.668	82.603.278.428
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	82.242.674.668	82.603.278.428
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	78.341.464.759	78.834.632.708
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.901.209.909	3.768.645.720
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5.148.869	3.581.208
7. Chi phí tài chính	22	VI.5		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	1.492.137.793	1.566.280.818
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.414.220.985	2.205.946.110
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.927.266	1.580.640
12. Chi phí khác	32	VI.7	120.195.914	21.891.121
13. Lợi nhuận khác	40		(114.268.648)	(20.310.481)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.299.952.337	2.185.635.629
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	345.938.522	443.563.921
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.954.013.815	1.742.071.708
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.14	650	550

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Giang

Kế toán trưởng

Trần Thị Oanh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	(3.366.241.847)	2.476.576.900
1. Lợi nhuận trước thuế	2.299.952.337	2.185.635.629
2. Điều chỉnh cho các khoản	1.257.396.105	1.365.904.440
+ Khấu hao tài sản cố định	1.262.544.974	1.369.485.648
+ Các khoản dự phòng	-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư, hoạt động khác	(5.148.869)	(3.581.208)
+ Chi phí lãi vay	-	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	3.557.348.442	3.551.540.069
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	(1.578.838.998)	711.012.005
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	-	-
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(3.467.986.603)	14.555.415.843
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	(102.492.450)	458.676.101
- Tiền lãi vay đã trả	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(949.797.697)	(602.600.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.714.874.840	254.080.368
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(3.539.349.381)	(16.451.547.486)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	5.148.869	(1.723.691.519)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	(1.727.272.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.148.869	3.581.208
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	3.861.575.000	(1.098.775.000)
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	9.216.000.000	800.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(4.666.000.000)	(1.850.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(688.425.000)	(48.775.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	500.482.022	(345.889.619)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	131.234.248	477.123.867
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	631.716.270	131.234.248

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Giang

Kế toán trưởng



Trần Thị Oanh

Hải Phòng, ngày 05 tháng 03 năm 2021



Phạm Văn Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Công trình công cộng và Xây dựng Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Công trình công cộng và xây dựng Hải Phòng theo Quyết định số 1008/QG-UBND ngày 29/06/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên công trình công cộng và xây dựng Hải Phòng, ngày chuyển đổi: 10/08/2015. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200534915 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 06 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 03 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của công ty: Số 1235 Trần Nhân Tông, phường Văn Đẩu, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười tỷ đồng chẵn).

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.000.000

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xây dựng công trình công ích
Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, đường, hè, biển báo giao thông, biển tên đường, phố, ngõ, vườn hoa, công viên, cây xanh ven đường, đài tưởng niệm liệt sĩ, nghĩa trang nhân dân, công trình công cộng.
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, khu đô thị, khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
Chi tiết: San lấp mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
- Hoàn thiện công trình xây dựng
Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Lắp đặt hệ thống điện

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/5/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung TT200/2014/TT-BTC

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.

Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán để thực hiện ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ. Việc áp dụng từng loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán tại Công ty tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất theo điểm a nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất doanh nghiệp có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập Báo cáo tài chính (BCTC).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

- Là các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:
 - Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.
- Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:
 - Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
 - Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.
- Căn cứ trích lập dự phòng giảm giá: Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc, thì loại chứng khoán này được lập dự phòng giảm giá.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, sau ghi nhận theo giá gốc ban đầu, được ghi nhận theo giá trị hợp lý (bằng giá gốc sau khi đã điều chỉnh theo giá trị tổn thất).
- Tổn thất được xác định theo (BCTC của doanh nghiệp phát hành trái phiếu/cổ phiếu ưu đãi/ngân hàng nhận tiền gửi.../hoặc theo giá thị trường). Nếu tổn thất xác định được một cách tin cậy sẽ ghi giảm khoản đầu tư. Sau khi đã ghi nhận tổn thất, nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy khoản tổn thất có thể thu hồi lại, thì khoản tổn thất đã ghi sẽ được hoàn lại (cho đến mức bằng tổng số tổn thất đã ghi nhận các kỳ trước) *(theo CMKTQT: nếu thu hồi cao hơn giá gốc thì phần cao hơn sẽ giữ lại trên TK 412 – không ghi vào thu nhập)*.
- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:
Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng mà Công ty thường xuyên có giao dịch.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Tiêu chí phân loại các khoản phải thu:
 - a) Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản,...
 - b) Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
 - c) Phải thu khác là các khoản phải thu còn lại không được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ.
 - d) Khoản cho vay được phân loại là khoản phải thu khi lập BCTC.
- Khoản phải thu của khách hàng được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.
- Các khoản phải thu có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng *(dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh)* tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là tài sản ngắn hạn; các khoản phải thu còn lại không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại là dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải thu được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.
- Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải thu của khách hàng có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải thu của khách hàng là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại (nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch).

- Nợ phải thu không được ghi nhận cao hơn giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh /bình quân giá quyền/nhập trước xuất.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập BCTC là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng qui định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

a) Nguyên tắc kế toán TSCĐ HH, TSCĐ VH:

- Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;
- Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định). Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

- Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH, TSCĐVH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

b) Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

- Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

- TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

c) Nguyên tắc kế toán Bất động sản đầu tư:

- Bất động sản đầu tư cho thuê được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại và được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.
- Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được ghi nhận theo giá trị thuần (bằng nguyên giá trừ đi tổn thất). Tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ phát sinh.
- Khi thanh lý, bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;
- Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.

a) Khi Công ty là Bên góp vốn:

- Tài sản góp vốn là tiền, hàng tồn kho, chi phí... được ghi giảm tương ứng tăng phải thu khác; Tài sản góp vốn là tài sản phi tiền tệ (như TSCĐ, BBĐS) và không phải chuyển quyền sở hữu thì không ghi giảm mà được theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản; Nếu TSCĐ, BBĐS khi góp vốn phải chuyển quyền sở hữu, và TSCĐ hình thành trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, thì sẽ ghi giảm tài sản tăng chi phí đầu tư xây dựng. Khi tài sản hình thành, bàn giao đưa vào sử dụng, sẽ ghi tăng tài sản theo giá trị được chia phù hợp với mục đích sử dụng.
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí: Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác; Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí, công nợ liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

b) Khi Công ty là bên nhận vốn góp:

- Công ty theo dõi riêng phần vốn góp và tài sản nhận về là khoản phải trả khác (không ghi tăng vốn chủ sở hữu).
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí: Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác; Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí, công nợ liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.

a) Nguyên tắc kế toán Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi Công ty dự tính chắc chắn có được lợi ích tính thuế thu nhập trong tương lai đối với các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ/khoản lỗ tính thuế/ưu đãi thuế chưa sử dụng.
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20% .

- Công ty không thực hiện bù trừ TS thuế thu nhập hoãn lại với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả do không cùng đối tượng và cơ quan thuế quản lý.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận sẽ được đánh giá lại để ghi nhận bổ sung, làm giảm chi phí thuế hoãn lại, khi Công ty dự tính chắc chắn có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

b) Nguyên tắc kế toán thuế TNDN phải trả:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận khi phát sinh chênh lệch tạm thời chịu thuế. Khoản chênh lệch tạm thời này làm phát sinh khoản thuế thu nhập phải trả khi xác định thu nhập chịu thuế trong tương lai (khi giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán)
- Thuế suất thuế TNDN hiện hành là 20%.
- Công ty không thực hiện bù trừ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả với TS thuế thu nhập hoãn lại do không cùng đối tượng và cơ quan thuế quản lý.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

- Chi phí trả trước, phương pháp phân bổ và thời gian phân bổ - kỳ hạn phân bổ của Công ty như sau:

Số TT	Loại chi phí	Phương pháp phân bổ	Thời gian phân bổ
1	Chi phí quảng cáo trước hoạt động	Theo sản lượng sản xuất	36 tháng
2	Chi phí đào tạo	Theo dự toán	36 tháng
3	Chi phí bảo hiểm	Theo đường thẳng	Theo hợp đồng (nêu cụ thể từng loại)
4	Chi phí lãi trái phiếu/lãi vay...	Theo đường thẳng	Theo kỳ hạn khi phát hành/khi vay...
5	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Theo đường thẳng	Theo từng loại tài sản cụ thể

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

- Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:
 - Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
 - Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
 - Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.
- Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.
- Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (*dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh*) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.
- Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ